

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV
KHOA/BỘ MÔN VH&NN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **Dẫn luận Ngôn ngữ học**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Introduction to General Linguistics

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp X			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ (dành cho sinh viên **học kỳ II**, năm thứ 3)

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 20 tiết

- Thực hành: 10 tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: tiết

- Các hoạt động khác: (*bài tập, trò chơi, đố vui, diễn kịch, xem phim, ...*):.....tiết

- Tự học: 60 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết:

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ; đồng thời, cung cấp những kiến thức về từng bộ phận thuộc bình diện cấu trúc hoặc bình diện sử dụng của ngôn ngữ như: ngữ âm, hình thái, cú pháp, ngữ nghĩa, giao tiếp, ngữ dụng...

Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng đơn giản như: phân tích để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học...

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng/lý thuyết và thực hành về...(nếu tóm tắt)

Kiến thức:

- Nắm bắt những khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như : giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ...

- Nắm bắt những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng... của ngôn ngữ.

Kỹ năng:

- Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được giới thiệu.

- Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể: (*có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể*)

- Sinh viên hiểu các khái niệm ngôn ngữ cơ bản.
- Sinh viên có khả năng miêu tả, phân tích các đơn vị ngôn ngữ.
- Sinh viên có thể áp dụng kiến thức học được để nhận diện được sự khác biệt và tương đồng giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ đang học.

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	VD: <i>Mô tả/trình bày được....</i>	<i>GV thuyết trình</i> <i>Thảo luận nhóm</i> <i>SV thuyết trình</i>	

*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ khái niệm NN, đối tượng nghiên cứu của NNH. - Hiểu rõ được sự khác biệt và tương đồng giữa các NN về bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ âm. • Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được học (nhận diện được hình vị, âm vị...) - Thực hiện một số thao tác phân tích NN đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> • GV thuyết trình cơ sở lý thuyết của chuyên đề. • Thảo luận nhóm được tiến hành xen lẫn với thuyết trình của giáo viên. • SV thực hành các thao tác miêu tả, đối chiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá mức độ hiểu và khả năng thực hành của sinh viên thông qua các câu hỏi của sinh viên, cũng như các câu trả lời, khả năng chất vấn của sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ bản chất của NN và các vấn đề liên quan. - Hiểu rõ các vấn đề thuộc về phạm trù ngữ nghĩa, ngữ pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> Có khả năng miêu tả, nhận diện và phân tích các hiện tượng thuộc bình diện ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa. 	<ul style="list-style-type: none"> Tự mình xác định được đối tượng cần nghiên cứu.

9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Tài liệu/giáo trình chính:

1. Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng, *Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHSPTp HCM, 2007
2. Nguyễn Thiện Giáp. *Cơ sở ngôn ngữ học*. NXB. KHXH. Hà Nội, 1998.
3. Đỗ Hữu Châu: *Đại cương ngôn ngữ học*. Tập II, Ngữ dụng học. NXB. Giáo dục. Hà Nội, 2001.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

4. Vũ Đức Nghiệu, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2009.
5. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu Hoàng Trọng Phiến. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990...2005.
6. <http://www.linguistics.ucla.edu/people/Kracht/courses/ling20-fall07/ling-intro.pdf>

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên cần • Thuyết trình • Kiểm tra giữa kỳ 	10 % 30 % 60 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình • Thi cuối kỳ/Tiểu luận 	30 % 70 % 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,...
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành ...

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Nộp tiểu luận trễ trong vòng 1 tuần sẽ bị trừ 30% điểm
- Trường hợp đạo văn, không trích dẫn nguồn sẽ bị điểm 0

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

- Sinh viên cần tư vấn về môn học trực tiếp liên hệ với giáo viên hoặc liên hệ qua email.

12. Nội dung chi tiết môn học: viết chi tiết tên chương, tiết, mục; chẳng hạn:

Chương I: Những vấn đề chúng ta về ngôn ngữ và ngôn ngữ học

1.1. Khái niệm Ngôn ngữ

1.2. Bản chất của ngôn ngữ

- 1.2.1. Ngôn ngữ - Một hiện tượng xã hội và là một bộ phận quan trọng của văn hóa
- 1.2.2. Ngôn ngữ - Hệ thống ký hiệu đặc biệt

1.3. Chức năng của ngôn ngữ

- 1.3.1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người
- 1.3.2. Ngôn ngữ là phương tiện tư duy

1.4. Ngôn ngữ học là gì?

1.5. Đối tượng của Ngôn ngữ học

1.6. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ

- 1.6.1. Khái niệm hệ thống và cấu trúc
- 1.6.2. Các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ

1.7. Các quan hệ trong ngôn ngữ

- 1.7.1. Quan hệ kết hợp

- 1.7.2. Quan hệ đối vị
- 1.7.3. Quan hệ tôn ti

1.8. Các phân ngành của ngôn ngữ học

Chương II: Ngữ Âm học

2.1. Đối tượng của Ngữ âm học

2.2. Bản chất và cấu tạo ngữ âm

2.2.1. Về mặt âm học

2.2.1.1. Độ cao

2.2.1.2. Độ to

2.2.1.3. Âm sắc

2.3. Các đơn vị đoạn tính

2.3.1. Âm tố

2.3.1.1. Phụ âm

a. Điểm cấu âm

b. Phương thức cấu âm

2.3.1.2. Nguyên âm

2.3.2. Âm vị

2.3.2.1. Khái niệm đặc trưng khu biệt

2.3.2.2. Khái niệm âm vị

2.3.2.3. Biến thể âm vị

a. Biến thể tự do

b. Biến thể bổ sung

2.4. Các đơn vị siêu đoạn tính

2.4.1. Âm tiết

2.4.1.1. Khái niệm và phân loại

2.4.1.2. Ranh giới âm tiết

2.4.2. Thanh điệu

2.4.3. Trọng âm

2.4.4. Ngữ điệu

Chương III: Ngữ pháp học

6.1. Đối tượng nghiên cứu và các phân ngành của Ngữ pháp học

6.2. Ý nghĩa ngữ pháp

6.3. Phương thức ngữ pháp

6.3.1. Phương thức ngữ pháp là gì?

6.3.2. Những phương thức ngữ pháp phổ biến

6.4. Phạm trù ngữ pháp

6.4.1. Phạm trù ngữ pháp là gì?

6.4.2. Những phạm trù ngữ pháp cơ bản

6.5. Hình thái học

6.5.1. Hình vị - đơn vị cấu tạo từ

6.5.1.1. Hình vị là gì

6.5.1.2. Phương pháp phân xuất hình vị

6.5.1.3. Phân loại hình vị

6.5.2. Từ và phương thức cấu tạo từ

6.5.2.1. Từ là gì?

6.5.2.2. Phương thức tạo từ mới

a. Ghép

b. Láy

c. Phái sinh

d. Chuyển loại

e. Tạo từ tắt

- f. Vay mượn
- g. Trộn từ

6.6. Phạm trù từ loại

- 6.6.1. Từ loại là gì?
- 6.6.2. Tiêu chí phân chia từ loại
- 6.6.3. Những từ loại phổ biến

6.7. Cú pháp học

- 6.7.1. Ngữ đoạn
 - 6.7.1.1. Ngữ đoạn là gì?
 - 6.7.1.2. Phân loại ngữ đoạn

6.7.2. Câu

- 6.7.2.1. Câu là gì?
- 6.7.2.2. Cấu trúc câu
- 6.7.2.3. Phân loại câu

6.8. Quan hệ cú pháp

- 6.8.1. Quan hệ cú pháp là gì?
- 6.8.2. Các kiểu quan hệ cú pháp cơ bản
- 6.8.3. Cách thức mô tả cấu trúc cú pháp

Chương IV: Ngữ nghĩa học

4.1. Đối tượng của ngữ nghĩa học

4.2. Ngữ học từ vựng

- 4.2.1. Nghĩa và vật sở chỉ
- 4.2.2. Nghĩa biểu hiện, nghĩa liên hệ và nghĩa liên tưởng
- 4.2.3. Đa nghĩa và đồng âm
- 4.2.4. Nét nghĩa

4.3. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ

- 4.3.1. Quan hệ đồng nghĩa
- 4.3.2. Quan hệ trái nghĩa
- 4.3.3. Quan hệ bao nghĩa
- 4.3.4. Quan hệ tổng - phân nghĩa
- 4.3.5. Quan hệ giao nghĩa

4.4. Trường từ vựng

4.5. Nghĩa cú pháp

- 4.5.1. Nghĩa biểu hiện và nghĩa logic - ngôn từ
- 4.5.2. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu

4.6. Ngữ nghĩa học dụng pháp

- 4.6.1. Hành động ngôn từ
 - 4.6.1.1. Các hành động ngôn từ
 - 4.6.1.2. Câu ngôn hành và vị từ ngôn hành

4.6.2. Nghĩa hàm ẩn. Tiền giả định và hàm ý

- 4.6.2.1. Tiền giả định
- 4.6.2.2. Hàm ý

4.7. Quan hệ giữa tiền giả định với hàm ý

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1.	5	Các vấn đề về ngôn ngữ và ngôn ngữ học	<ul style="list-style-type: none"> • Thảo luận các vấn đề liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc chương I tài liệu 1, tài liệu 2, tài liệu 3, tài liệu 6

2.	5	Ngữ âm học: • Các đơn vị đoạn tính • Các đơn vị siêu đoạn tính	• Thảo luận các vấn đề liên quan	• Đọc chương II, tài liệu 1, chương V tài liệu 2, Lecture (2-6) tài liệu 6
3.	5	Ngữ âm học: • Các đơn vị siêu đoạn tính (tt) Ngữ pháp học: • Ý nghĩa ngữ pháp • Phạm trù ngữ pháp • Hình thái học	• Thảo luận các vấn đề liên quan	• Đọc chương II, tài liệu 1, chương V tài liệu 2, Lecture (2-6) tài liệu 6 • Đọc chương III, tài liệu 1, chương IV, chương VI, tài liệu 2. Lecture 7, 13 tài liệu 6.
4.	5	Ngữ pháp học: • Hình thái học (tt) • Cú pháp học: ngữ đoạn và câu	• Thảo luận các vấn đề liên quan	• Đọc chương III, tài liệu 1, chương VI, tài liệu 2. Lecture 8-12 tài liệu 6.
5.	5	Ngữ pháp học: • Cú pháp học: ngữ đoạn và câu (tt) Ngữ nghĩa học: • Ngữ nghĩa tư vựng và các quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ	• Thảo luận các vấn đề liên quan	• Đọc chương III, chương IV tài liệu 1, chương IV, VI, tài liệu 2. Lecture 14-18 tài liệu 6.
6.	5	Ngữ nghĩa học: • Nghĩa cú pháp • Nghĩa dụng pháp	• Thảo luận các vấn đề liên quan	• Đọc chương III, chương IV tài liệu 1, chương IV, VI, tài liệu 2. Lecture 14-18 tài liệu 6.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Hoàng Trung

*** Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Trung	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP. HCM	Điện thoại liên hệ:
Email: nghoang.trung@gmail.com	Trang web:

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)